TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025

Về "xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Duy;
2. Ông Dương Vương Đạo;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở 4 Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Trần Thị Như N**, sinh năm 2004;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

- *Bị đơn:* anh **Lê Trung H**, sinh năm 2003;

Địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T1, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

(Chị N và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Như N trình bày: Chị và anh H quen biết vào giữa năm 2021, tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với bên nhà anh H, do nhà chị ở gần nên chị thường xuyên về nhà cha mẹ ruột.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh H không có việc làm ổn định, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con mà anh còn sử dụng ma túy. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Nay không còn tình cảm, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Đăng K, sinh ngày 19/5/2023, hiện cháu K đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng bị đơn anh Lê Trung H vắng mặt không đến tòa án, tuy nhiên anh có văn bản trình bày trình bày: Anh và chị Trần Thị Như N sống chung với nhau từ năm 2020 đến năm 2023 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống chung đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó vợ chồng anh sống ly thân cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Đăng K, sinh ngày 19/5/2023. Hiệu cháu K đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Như N và bị đơn anh Lê Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Như N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Đăng K, sinh ngày 19/5/2023, anh H đồng ý theo yêu cầu của chị N nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên xác định đây là tranh chấp "*ly hôn, nuôi con chung*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn chị Trần Thị Như N và bị đơn anh Lê Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Như N, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị N và anh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 08/02/2023, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị N xin ly hôn với lý do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cải vã; anh H không có việc làm ổn định, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ còn mà còn sử dụng ma túy, và hai người đã ly thân với nhau từ cuối năm 2024 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh H đến tòa để trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh H vắng mặt. Tuy nhiên, anh có văn bản trình bày ý kiến thể hiện ý chí của anh là chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Đăng K, sinh ngày 19/5/2023, hiện cháu K đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Anh H đồng ý đối với yêu cầu nuôi con của chị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của chị N, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Như N.

1. Công nhận chị Trần Thị Như N và anh Lê Trung H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Đăng K, sinh ngày 19/5/2023 cho chị Trần Thị Như N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc chị Trần Thị Như N không yêu cầu anh Lê Trung H cấp dưỡng con chung.

- Anh Lê Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Như N tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0010835 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp); chị N được hoàn lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm